TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **143**/2026/HS-ST
Ngày: 22-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - QUẢNG NGÃI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đồng Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Hả

2/ Bà Huỳnh Thị Ly Ly

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*: Bà Võ Thị Cẩm Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 144/2026/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2026/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 335/2026/HSST-QĐ ngày 14 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn H; sinh ngày 09 tháng 9 năm 1997 tại tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Xóm X, xã H, tỉnh Ninh Bình; Căn cước công dân số: 036097011346 cấp ngày 02/7/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị K. Bị cáo chưa có vợ. Bị cáo sống chung như vợ chồng với Y K1 và có 02 con.

Tiền án: Bị Tòa án nhân dân Quận 9 (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2020/HS-ST ngày 28/12/2020, đã chấp hành xong hình phạt tù chính vào ngày 09/4/2021 nhưng đến ngày phạm tội chưa chấp hành xong khoản 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Quốc T1; sinh ngày 07 tháng 8 năm 1996 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: thôn D, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Căn cước công dân số: 062096004984 cấp ngày 09/5/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn

Đình N và bà Nguyễn Thị T2; vợ là chị Lê Thị Minh A; có 02 con là Nguyễn Hoàng Bảo K2 và Nguyễn Hoàng Bảo K3 (đều chưa thành niên). Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 30/9/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Sỹ K4; sinh năm 1975. Địa chỉ: C D, thôn K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. *(Có mặt)*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Y K1; sinh năm 1996. Địa chỉ: thôn K, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (*Có đơn xin vắng mặt).*

+ Anh Hồ Minh T3; sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ dân phố B, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

+ Anh Phùng Anh T4; sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ dân phố A, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. *(có đơn xin vắng mặt).*

+ Anh Lương Đình Q; sinh năm 1983. Địa chỉ: K, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. *(Vắng mặt)*

+ Anh Trần Đình B; sinh năm 1990. Địa chỉ: A H, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

+ Chị Phạm Thị H1; sinh năm 1984. Địa chỉ: thôn K, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

+ Chị Võ Bảo Q1; sinh năm 1986. Địa chỉ: 3 đường P, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

+ Ông Trần Văn T; sinh năm 1975. Địa chỉ: xóm X, xã H, tỉnh Ninh Bình. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

+ Chị Lê Thị Minh A, sinh năm 1997, địa chỉ: thôn D, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2024 đến tháng 5/2025, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Trần Văn H (*Sinh năm 1997, trú tại thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum, nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi*) đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức thuê xe rồi làm giả giấy tờ đăng ký xe ô tô đề cầm cố tài sản lấy tiền. Cụ thể như sau:

* Vụ thứ nhất:

Khoảng tháng 02/2025, do có quen biết nên Trần Đình B (*Sinh năm 1990*) đã cho Trần Văn H thuê lại xe ô tô biển kiểm soát 82A-144.02 (*Chủ sở hữu xe là của Hồ Minh T3 - Hồ Minh T3 nhờ Võ Bảo Q1 đứng tên xe. ngày 24/9/2024, ông Hồ Minh T3 cho ông Phùng Anh T4 (Sinh năm 1984) thuê; Cùng ngày, Phùng Anh T4 đã giao xe ô tô và các giấy tờ trên cho Trần Đình B thuê để chạy dịch vụ nhưng chỉ thỏa thuận bằng miệng và không lập hợp đồng*). Quá trình giao xe, Trần Đình B đã giao toàn bộ giấy tờ xe (Giấy chứng nhận đăng ký xe (Bản phô tô có xác nhận của ngân hàng), Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (Bản gốc), Bảo hiểm trách nhiệm dân sự (Bản gốc) cho H sử dụng.

Đến khoảng tháng 04/2025, H lên mạng xã hội Facebook tìm kiếm thấy trang quảng cáo nhận làm giấy tờ giả (không nhớ tên trang) thông qua kết nối số điện thoại di động đến tài khoản Zalo "Tuấn Dior", trao đổi việc làm giấy đăng ký xe ô tô giả mang tên Y K1 (*Y K1 sinh năm 1996 – là người sống chung với H như vợ chồng*) với giá tiền là 1.300.000 đồng. Vài ngày sau, một người giao hàng (*không xác định được đơn vị giao hàng*) gọi điện và giao 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 82001216 là giả, có tên chủ sở hữu Y K1 mang biển kiểm soát 82A-144.02 cho H tại xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi và H đưa tiền cho người giao hàng.

Ngày 17/4/2025, H điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 82A-144.02 cùng với đăng ký xe ô tô làm giả đến gặp ông Nguyễn Sỹ K4 (*Sinh năm 1979*) nói là xe của Y K1 (*là vợ của H*) đề nghị ông K4 cầm cố. Khi ông K4 xem các giấy tờ trùng khớp với thông tin của H đưa ra thì ông K4 đồng ý nhận cầm cố với số tiền là 70.000.000 đồng và yêu cầu Y K1 phải là người đứng tên cầm cố. Một lúc sau, Y K1 đến nhà ông K4, viết giấy cầm cố xe ô tô và ký tên của mình, H ký và ghi họ tên vào cuối trang giấy cầm cố. Sau đó, ông K4 chuyển số tiền 69.000.000 đồng vào số tài khoản 0865764545 Ngân hàng V mang tên Trần Văn H, còn số tiền 1.000.000 đồng thì ông K4 trừ vào số tiền mà H đã nợ ông K4 trước đó. H giao xe ô tô biển kiểm soát 82A-144.02 cùng với 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định (bản gốc) và 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 82A-144.02 mang tên Y K1 là giả, cho ông K4 giữ. Vài ngày sau, H đến hỏi ông K4 mượn lại xe ô tô biển kiểm soát 82A-144.02 để chạy dịch vụ kiếm thêm thu nhập thì ông K4 đồng ý, giao lại xe ô tô trên cho H sử dụng nhưng vẫn giữ lại nhưng giấy tờ nêu trên.

Đầu tháng 05/2025, do cần tiền trả nợ cho ông Lương Đình Q (*Sinh năm 1983*) nên H tiếp tục nảy sinh ý định đặt làm giả giấy tờ của xe ô tô biển kiểm soát 82A-144.02 đi cầm cố lấy tiền. H tiếp tục trao đổi với tài khoản Zalo "Tuấn D" thỏa thuận đặt làm giả 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 82A-144.02 (cách thức, giá tiền, địa chỉ, cách nhận hàng như lần thực hiện trước đó). Sau khi nhận được giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 82A-144.02 là giả, ngày 13/5/2025, Trần Văn H cùng với Y K1 mang xe ô tô biển kiểm soát 82A-144.02 và giấy đăng ký xe ô tô là giả đến gặp bà Phạm Thị H1 (*Sinh năm 1984*) để mượn tiền. Y K1 đưa ra thông tin mình là chủ sở hữu xe ô tô biển kiểm soát 82A-144.02 và đề nghị gửi xe và giấy tờ của xe này cho bà H1 để làm tin mượn tiền của bà H1. Bà H1 xem thông tin giấy đăng ký xe ô tô trùng khớp với Y K1 nên bà H1 đồng ý cho mượn số tiền là 20.000.000 đồng nhưng giữ lại giấy tờ để làm tin và tự viết một giấy mượn tiền giữa hai bên, Y K1 ký tên vào giấy mượn tiền và đưa số tiền 20.000.000 đồng cho Y K1 (*số tiền này Y K1 đưa cho H sử dụng*). Sau đó, Y K1 để lại xe ô tô biển kiểm soát 82A-144.02 cùng với giấy chứng nhận đăng ký là giả cho bà H1 quản lý. Vài ngày sau Y K1 tiếp tục hỏi mượn thêm số tiền là 20.000.000 đồng thì bà H1 đồng ý (*quá trình này không có giấy tờ, tài liệu gì thể hiện*). Ngày 19/5/2025, Y K1 tiếp tục hỏi mượn số tiền 10.000.000 đồng thì bà H1 đồng ý, chuyển khoản cho Y K1 (*nội dung này Trần Văn H thừa nhận mình sử dụng điện thoại của Y K1 để nhắn tin hỏi mượn tiền bà H1*).

* Vụ thứ hai:

Ngày 16/4/2025, Trần Văn H nhờ ông Lương Đình Q (*Sinh năm 1983*) thuê cho H một xe ô tô để chạy dịch vụ kiếm thêm thu nhập thì Q đồng ý. Q liên hệ và thuê xe ô tô biển kiểm soát 82B-013.65 của ông Hồ Minh T3, thời hạn một tháng. Sau đó, ông T3 đã giao cho Q xe ô tô cùng với Giấy chứng nhận đăng ký xe (*Bản phô tô có xác nhận của ngân hàng*), Giấy chứng nhận kiểm định (Bản gốc), Bảo hiểm dân sự (Bản gốc). Ông Q giao lại xe cùng các giấy tờ cho H sử dụng và không thông báo cho ông T3 biết việc này.

Để có tiền tiêu xài cá nhân, H đã nảy sinh ý định cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 82B-013.65 nhưng vì không có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản gốc) nên H đặt làm Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô là giả, thông qua tài khoản Zalo "Tuấn D" với giá tiền khoảng hơn 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). H gửi thông tin làm giả giấy tờ của xe ô tô, theo giấy chứng nhận đăng ký (*bản phô tô*) và giấy chứng nhận kiểm định. Vài ngày sau, một người giao hàng (*không xác định được đơn vị giao hàng*) đến giao 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 8200000846, biển số đăng ký 82B-013.65, mang tên chủ xe Hồ Minh T3 là giả, H đưa tiền mặt cho người giao hàng (H không nhớ chính xác số tiền). Sau đó, H đã trao đổi với ông K4, đưa ra thông tin gian dối là ông Hồ Minh T3 (*là người quen của H*) muốn cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 82B-013.65, H sẽ góp vốn 50.000.000 đồng để cầm cố xe ô tô này, đề nghị ông K4 sẽ cầm cố xe với giá tiền 200.000.000 đồng thì ông K4 đồng ý.

Ngày 21/4/2025, H đến gặp Nguyễn Quốc T1 (*Sinh năm 1996*), đưa ra thông tin là xe ô tô trên là của người quen của H, H đang cần tiền giải quyết công việc cá nhân nên nhờ T1 cầm cố xe ô tô này, việc trả lãi, tiền gốc do H sẽ thực hiện thì T1 đồng ý. Tấn nhận thức được muốn cầm cố xe thì phải chính chủ nên hỏi H giấy tờ xe đâu thì H nói có giấy tờ. H nói T1 gửi ảnh chụp căn cước công dân cho H, để H gửi "Tuấn D" chỉnh sửa căn cước của T1 thành tên "Hồ Minh T3". Sau khi có hình chụp căn cước công dân, Hoàng lưu lại điện thoại và gửi qua Zalo cho T1.

Ngày 21/4/2025, H và T1 mang xe ô tô cùng giấy tờ đến gặp ông K4 thực hiện cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 82B-013.65. Tại nhà ông K4, H đưa ra 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 8200000846 (*đề ngày 08/4/2025, biển số đăng ký 82B-013.65, chủ xe Hồ Minh T3 – là giả*), 01 (một) chứng nhận kiểm định của xe ô tô biển kiểm soát 82B-013.65 (bản gốc). T1 đưa ra điện thoại của H có chứa hình ảnh chụp căn cước công dân mang tên Hồ Minh T3 cho ông K4 xem (*hình ảnh căn cước công dân là giả*) và nhận mình là Hồ Minh T3 nhằm mục đích cho ông K4 tin tưởng. Sau khi xem xe, giấy tờ, hình ảnh chụp căn cước công dân thì ông K4 đồng ý nhận cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 82B-0135.65 với số tiền 200.000.000 đồng. Ông K4 yêu cầu Hồ Minh T3 (*tức là Nguyễn Quốc T1 đang mạo danh T3*) viết giấy cầm cố. Sau đó, T1 mạo danh Hồ Minh T3 đã viết 01 (một) giấy cầm cố xe ô tô trên và ký là tên Hồ Minh T3, Trần Văn H cùng ký xác nhận người làm chứng vào giấy tờ trên. Sau đó, ông K4 hỏi số tài khoản để chuyển tiền thì Nguyễn Quốc T1 nói không có tài khoản ngân hàng và yêu cầu ông K4 chuyển qua tài khoản của H với số tiền 150.000.000 đồng (*số tài khoản 0865761545, ngân hàng V*). Số tiền này H

sử dụng mục đích cá nhân, chỉ cho T1 số tiền là 3.000.000 đồng (*thông qua chuyển khoản vào tài khoản của vợ T1*).

* Đối với hành vi của Y K1: Đầu tháng 4/2025, Trần Văn H yêu cầu Y K1 gửi hình ảnh căn cước công dân cho H, với mục đích H sẽ đăng ký tên chủ sở hữu xe ô tô mang tên Y K1. Y K1 có hỏi H tiền đâu mà mua thì H nói để H lo việc này. Sau đó, H có mang một số giấy tờ cho Y K1 ký tên, vì tin tưởng H nên Y K1 ký tên, không đọc nội dung. Việc H đặt giấy tờ giả là giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đứng tên Y K1 thì Y K1 hoàn toàn không biết. Do đó, Y K1 tin rằng bản thân là chủ sở hữu xe ô tô biển kiểm soát 82A-144.02 nên Y K1 cùng H đi cầm cố xe ô tô trên cho ông Nguyễn Sỹ K4 được số tiền là 70.000.000 đồng. Sau khi bị ông T3 tố cáo đến Cơ quan Công an thì quá trình làm việc Y K1 mới biết 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 82001216 (biển kiểm soát 82A-144.02, tên chủ xe Y KAT, do Phòng C Công an tỉnh K cấp ngày 05/07/2024) là giả.

Sau khi cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 82A-144.02 cho ông Nguyễn Sỹ K4 vào ngày 17/4/2025 thì khoảng thời gian sau, Y K1 thấy Trần Văn H điều khiển xe ô tô này về nhà do H làm thêm chạy xe dịch vụ. Y K1 được H cho biết là đã trả tiền cho ông K4 nên lấy xe ô tô ra.

Sau đó, vào ngày 13/5/2025, Trần Văn H cùng với Y K1 mang xe ô tô biển kiểm soát 82A-144.02 và giấy đăng ký xe ô tô là giả, đến gặp bà Phạm Thị H1. Y K1 nói với bà H1 rằng bản thân là chủ sở hữu xe ô tô biển kiểm soát 82A-144.02 vay số tiền 50.000.000đ và để xe lại làm tin. Trần Văn H và Y K1 đã tác động gia đình trả lại cho bà Phạm Thị H1 số tiền 50.000.000 đồng. Đây là số tiền mà Trần Văn H và Y K1 mượn của bà H1 thông qua việc để lại xe ô tô biển kiểm soát 82A-144.02 và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô là giả để làm tin. Bà H1 đã nhận tiền và không có yêu cầu nào khác về dân sự.

Ngày 17/5/2025, sau khi phát hiện được sự việc và đã lấy được xe ô tô biển kiểm soát 82A-144.02 và 82B-0135.65 ông T3 làm đơn tố giác đến Cơ quan Công an.

Tại Kết luận giám định số 211/KL-KTHS ngày 21/6/2025 của Phòng K5 Công an tỉnh K (nay là Phòng K5 Công an tỉnh Q), kết luận:

* Dữ liệu trích xuất của 01 (một) điện thoại di động, dạng cảm ứng, nhãn hiệu XIAOMI POCO, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong; số IMEI1: 862070072256662, số IMEI2: 862070072256670, bên trong thân máy chứa 02 thẻ sim Mobiphone, số seri sim 1: 8401 2002 3393 2811, số thuê bao: 0905 926 382; số seri sim 2: 8401 2207 9206 7352, số thuê bao: 0706 083 481; từ ngày 16/4/2025 đến ngày 26/5/2025.

- Không tìm thấy dữ liệu nhật ký cuộc gọi, tin nhắn SMS và tin nhắn trong ứng dụng Zalo đến số điện thoại 0963 379 768.

- Dữ liệu tin nhắn trong ứng dụng Zalo đến tài khoản đăng ký bằng số điện thoại 0865 761 545 (H), có: 1600 hình ảnh có nội dung liên quan. Không tìm thấy dữ liệu nhật ký cuộc gọi, tin nhắn SMS đến số điện thoại 0865 761 545.

* Dữ liệu trích xuất của 01 (một) điện thoại di động, dạng cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong;

số IMEI1: 860646041046250, số IMEI2: 860646041046243, bên trong thân máy không chứa thẻ sim; từ ngày 01/02/2025 đến ngày 26/5/2025:

- Không tìm thấy dữ liệu nhật ký cuộc gọi, tin nhắn SMS đến số điện thoại 0963 379 768 và tin nhắn trong ứng dụng Zalo đến tài khoản đăng ký bằng số điện thoại 0963 379 768.

- Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn SMS đến các số điện thoại 0985 723 468, 0396 740 061, 0353 309 477, 0377 262 598. Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn trong ứng dụng Zalo đến tài khoản đăng ký bằng số điện thoại 0396 740 061.

- Dữ liệu nhật ký cuộc gọi đến các số điện thoại 0985 723 468, 0396 740 061, 0353 309 477, 0377 262 598; có: 56 cuộc gọi.

- Dữ liệu tin nhắn trong ứng dụng Zalo đến tài khoản đăng ký bằng số điện thoại 0985 723 468 (Cầm Đồ B), có: 1024 hình ảnh có nội dung liên quan.

- Dữ liệu tin nhắn trong ứng dụng Zalo đến tài khoản đăng ký bằng số điện thoại 0353 309 477 (Khương), có: 268 hình ảnh có nội dung liên quan.

- Dữ liệu tin nhắn trong ứng dụng Zalo đến tài khoản đăng ký bằng số điện thoại 0377 262 598 (Vo yeu), có: 625 hình ảnh có nội dung liên quan.

- Dữ liệu tin nhắn trong ứng dụng Zalo đến tài khoản có tên “Tuấn Dior”, có: 02 hình ảnh có nội dung liên quan. Không xác định được ID và số điện thoại đăng ký của tài khoản Zalo có tên “Tuấn D”.

*Tại Kết luận giám định số 720/KL-KTHS ngày 07/8/2025 của Phòng K5 Công an tỉnh Q, kết luận:

- Phôi giấy "Chứng nhận đăng ký xe ô tô" cần giám định (ký hiệu A1; A2) là giả.

- Hình dấu tròn nội dung "PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG - CÔNG AN TỈNH KON TUM" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) là giả.

- Hình dấu nội dung "Thượng tá Nguyễn Xuân H2" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) là giả.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Xuân H2 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) là giả.

**Tại Kết luận giám định số 718/KL-KTHS ngày 15/8/2025 của Phòng K5 Công an tỉnh Q có, kết luận:*

Dữ liệu trích xuất của 01 (một) điện thoại di động dạng cảm ứng nhãn hiệu VIVO, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong, số IMEI1: 866591058487910, số IMEI2: 866591058487902, bên trong thân máy chứa 01 thẻ sim Viettel, số seri: 89840 48000 91098 6893, số thuê bao: 0392 345 478; từ ngày 16/4/2025 đến ngày 26/5/2025:

- Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn SMS và nhật ký cuộc gọi đến số điện thoại 0865.761.545.

- Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn trong ứng dụng Z đến tài khoản có tên "Tuấn D".

**Tại Kết luận giám định số 943/KL-KTHS ngày 10/9/2025 của Phòng K5 Công an tỉnh Q có, kết luận:*

- Dữ liệu trích xuất trong 01 (một) điện thoại di động cảm ứng đã qua sử dụng, nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IMEI 1: 869383037428257, số IMEI 2: 869383037428240; bên trong có 01 Sim Viettel 4G số seri 8401230450293769; từ 16/4/2025 đên ngày 26/5/2025:

- Dữ liệu tin nhắn trong ứng dụng Zalo đến tài khoản có tên "H", số điện thoại đăng ký 0865.761.545, có: 24 hình ảnh có nội dung liên quan. (Phụ lục kèm theo)

- Không tìm thấy dữ liệu nhật ký cuộc gọi và tin nhắn SMS đến số điện thoại 0865.761.545.

**Tại Kết luận giám định số 788/KL-KTHS ngày 20/8/2025 của Phòng K5 Công an tỉnh Q có, kết luận:*

- Chữ ký, chữ viết "Trần Văn H" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu Al, A2) với chữ ký, chữ viết của Trần Văn H trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3) do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết "Y Kat" tại vị trí dòng 11, 12 tính từ trên xuống trên tài liệu cần giám định (ký hiệu Al); chữ viết "Y Kat" dưới mục "Người mượn tiền" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A5) với chữ ký, chữ viết của Y K1 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M19, M20) do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết "Nguyễn Sỹ K4" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Sỹ K4 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M4, MS, M6) do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ viết "Thái", "Hồ Minh T3" tại vị trí dòng 13, 14 tính từ trên xuống trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) với chữ viết của Hồ Minh T3 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M7, M8) không phải do cùng một người viết ra.

- Chữ viết "Thái", "Hồ Minh T3" tại vị trí dòng 13, 14 tính từ trên xuống trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) với chữ viết của Nguyễn Quốc T1 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M9, M10, M11, M12) do cùng một người viết ra.

- Chữ ký, chữ viết "Phùng Anh T4" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3-2) với chữ ký, chữ viết của Phùng Anh T4 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M13, M14) do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết "Lương Đình Q" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A4-2) với chữ ký, chữ viết của Lương Đình Q trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M15, M16) do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ viết phần nội dung (trừ chữ "Y Kat" dưới mục "Người mượn tiền") trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A5) với chữ viết của Phạm Thị H1 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M17, M18) do cùng một người viết ra.

* Tại Cáo trạng số 47/CT-VKS-KV7 ngày 15/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 3 Điều 174 và tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T1 về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 174 và tội

"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự và Công văn số 421/VKS-KV7 ngày 30/7/2026 giữ nguyên quyết định truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Quảng Ngãi giữ nguyên Quyết định truy tố về tội danh, điều khoản đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng và bổ sung tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" đối với bị cáo Trần Văn H, cụ thể đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*",

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Trần Văn H phải chấp hành phạt chung từ 10 năm đến11 năm tù.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T1 phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức";*

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", và từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*"; tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Quốc T1 phải chấp hành từ 04 năm tù đến 05 năm tù.

Về vật chứng, án phí: đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Quốc T1 đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận gì khác, thống nhất với tội danh và mức án mà đại diện Viện kiểm sát đã luận tội.

Tại phiên tòa bị hại ông Nguyễn Sỹ K4 trình bày: đã nhận đủ 220.000.000 đồng tiền bồi thường, không có yêu cầu gì thêm về dân sự .

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Văn H: bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo sớm có cơ hội trở về với gia đình, xã hội.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Quốc T1: bị cáo nhận thức được sai phạm của mình do thiếu hiểu biết pháp luật, nhất thời vì bạn bè rủ rê mà phạm tội, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt, lời khai của họ đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, thể hiện rõ ý kiến không có yêu cầu gì thêm về dân sự. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn H và bị cáo Nguyễn Quốc T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Vào tháng 04/2025, Trần Văn H cần tiền tiêu xài cá nhân nên đã lên mạng xã hội Zalo đặt làm 03 (ba) giấy tờ giả với giá khoảng hơn 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) gồm 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 8200000846 (biển số 82B-013.65, tên chủ xe Hồ Minh T3 do Công an huyện Đ, tỉnh Kon Tum cấp ngày 08/04/2025); 01 căn cước công dân tên Hồ Minh T3 và 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 82001216 (biển số 82A-144.02, tên chủ xe Y KAT, do Phòng C Công an tỉnh K cấp ngày 05/07/2024).

Ngày 16/4/2025, Trần Văn H sử dụng chứng nhận đăng ký xe ô tô số 82001216 (biển số 82A-144.02, tên chủ xe Y K1) là giả, đưa ra thông tin gian dối đối với ông Nguyễn Sỹ K4, với nội dung Y K1 là chủ sở hữu xe trên để cầm cố xe ô tô và chiếm đoạt số tiền là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

Ngày 21/4/2025, Trần Văn H sử dụng chứng nhận đăng ký xe ô tô số 8200000846 (biển số 82B-013.65, tên chủ xe Hồ Minh T3), căn cước Hồ Minh T3 là giả. Sau đó, H cùng với Nguyễn Quốc T1 dùng thủ đoạn là sử dụng hình ảnh chụp căn cước công dân mang tên Hồ Minh T3 (hình ảnh căn cước công dân là giả) và đưa thông tin gian dối T3 là chủ xe nhằm thực hiện cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 82B-013.65 cho ông Nguyễn Sỹ K4, nhằm chiếm đoạt số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm triệu đồng*). Tổng cộng số tiền H đã chiếm đoạt của ông K4 là 220.000.000 đồng.

Đối với Nguyễn Quốc T1: Ngày 21/4/2025, Nguyễn Quốc T1 nhận thức rõ bản thân không phải chủ sở hữu của xe ô tô biển kiểm soát 82B-013.65. Tuy nhiên, Nguyễn Quốc T1 đã đưa hình ảnh chụp căn cước công dân của mình cho Trần Văn H chỉnh sửa tên mình thành tên Hồ Minh T3, để trùng khớp với giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 82B-013.65. Sau đó, Nguyễn Quốc T1 cùng với Trần Văn H đưa ra thông tin gian dối thực hiện hành vi cầm cố xe ô tô trên cho ông Nguyễn Sỹ K4

và ký vào mục người cầm cố Hồ Minh T3, nhằm chiếm đoạt số tiền là 150.000.000 đồng. Trần Văn H cho Nguyễn Quốc T1 3.000.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Văn H dùng thủ đoạn gian dối là sử dụng tài liệu giả (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả) để chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Sỹ K4 với tổng số tiền 220.000.000 đồng đã xâm phạm đồng thời hai khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ là quyền sở hữu tài sản và trật tự quản lý hành chính nhà nước về tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức. Do đó, hành vi của bị cáo Trần Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự

Hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc T1 cùng với H thực hiện thủ đoạn gian dối (mạo danh chủ xe, sử dụng căn cước công dân giả) để chiếm đoạt 150.000.000 đồng của ông K4 đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự với vai trò đồng phạm giúp sức, thực hành theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, việc T1 cung cấp hình ảnh căn cước công dân để H làm giả mang tên "Hồ Minh T3" rồi sử dụng tài liệu giả đó để lừa dối ông K4 đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Do vậy, cáo trạng số 47/CT-VKS-KV7 ngày 15/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 3 Điều 174 và tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T1 về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 174 và tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính nhà nước về giấy tờ, tài liệu, làm giảm sút lòng tin của Nhân dân vào các giao dịch dân sự thông thường, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi làm giả, sử dụng giấy tờ giả để lừa dối người khác chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện lỗi cố ý trực tiếp, cần phải xử lý nghiêm minh nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đến vai trò, mức độ tham gia và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt cho phù hợp đủ để răn đe và cũng thể hiện phần nào chính sách nhân đạo của pháp luật.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Đối với bị cáo Trần Văn H:

- *Về nhân thân:* Bị cáo có nhân thân xấu.

- *Về tình tiết tăng nặng:* Bị cáo H đã 02 lần thực hiện hành vi độc lập dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của cùng bị hại Nguyễn Sỹ K4, cụ thể: lần thứ nhất vào ngày 17/4/2025 (sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả mang tên Y K1, chiếm đoạt 70.000.000 đồng) và lần thứ hai vào ngày 21/4/2025 (sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả mang tên Hồ Minh T3, chiếm đoạt 150.000.000 đồng). Do đó, đối với tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng *"phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự thì không áp dụng tình tiết tăng nặng nêu trên đối với bị cáo H, bởi lẽ: bị cáo H bị truy tố, xét xử về hành vi này theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự, trong khi tình tiết *"phạm tội 02 lần trở lên"* đã được quy định là tình tiết định khung hình phạt tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự, trường hợp tình tiết định khung đồng thời là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự mà không cùng một khoản định khung của điều luật thì áp dụng tình tiết định khung cao nhất (khoản 3 Điều 341 mà bị cáo H bị truy tố, xét xử) và tình tiết còn lại không được coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo H không phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" đối với tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Bên cạnh đó, tại Bản án số 159/2020/HS-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thành phố T) bị cáo Trần Văn H bị xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù chính vào ngày 09/4/2021 nhưng đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa chấp hành khoản 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm mà bản án đã tuyên. Do đó, bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Tái phạm"* quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với cả hai tội danh bị xét xử trong vụ án này.

-*Về tình tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường, trả lại toàn bộ 220.000.000 đồng đã chiếm đoạt cho bị hại, khắc phục triệt để hậu quả của tội phạm. Bị hại Nguyễn Sỹ K4 đã nhận đủ tiền, không có yêu cầu gì khác, mặt khác bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Còn đối với tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo khi lượng hình.

[5.2] Đối với bị cáo Nguyễn Quốc T1:

-*Về nhân thân:* Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự,

-*Về tình tiết tăng nặng:* Không

-*Về tình tiết giảm nhẹ:* Bị cáo Nguyễn Quốc T1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ 3.000.000 đồng hưởng lợi bất chính. Như vậy, bị cáo T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với 02 tội khi lượng hình đối với bị cáo.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, tính chất hành vi phạm tội của mỗi bị cáo thấy rằng, bị cáo Trần Văn H là người khởi xướng, chủ mưu, trực tiếp đặt làm tài liệu giả và thực hiện hành vi phạm tội, lại là người đã có 01 tiền án mà tiếp tục phạm tội mới do cố ý nên cần xét xử bị cáo mức án nghiêm khắc hơn bị cáo T1.

Đối với bị cáo Nguyễn Quốc T1: xét vai trò đồng phạm giúp sức thứ yếu, chỉ tham gia 01 lần theo sự rủ rê, chỉ đạo của H, hưởng lợi không đáng kể, có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự), không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức hình phạt vừa bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, vừa thể hiện sự khoan hồng, phân hóa rõ vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng - giảm nhẹ giữa bị cáo chủ mưu và bị cáo giúp sức, phạm tội lần đầu, tạo điều kiện để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với số tiền 3.000.000 đồng do gia đình Nguyễn Quốc T1 tự nguyện nộp lại (là khoản tiền hưởng lợi bất chính do phạm tội mà có, hiện đang tạm giữ tại tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra): tại phiên toà các bị cáo, người liên quan không có ý kiến gì đối với số tiền này, xét thấy đây là khoản thu lợi bất chính cần tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 02 (hai) điện thoại di động (01 chiếc hiệu OPPO do Trần Văn H giao nộp và 01 chiếc hiệu OPPO do Nguyễn Quốc T1 giao nộp) là phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc, trao đổi thực hiện hành vi phạm tội: cần tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

-Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO do Nguyễn Quốc T1 giao nộp không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho chủ sỡ hữu là bị cáo T1.

- Đối với các vật chứng Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu tại giai đoạn điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Các tài liệu khác (Giấy cầm cố, Giấy ký gửi xe, Giấy mượn tiền, hợp đồng thuê xe...) đã được đóng số bút lục và được lưu trong hồ sơ vụ án theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại giai đoạn điều tra không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có căn cứ có thể giải quyết vụ án riêng.

Đối với khoản tiền 340.000.000 đồng giữa ông Trần Đình B và ông Phùng Anh T4, đây là quan hệ dân sự độc lập không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án hình sự này; nếu có tranh chấp, đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu, theo thủ tục chung.

[9] Về các vấn đề khác:

Về khoản tiền 50.000.000 đồng mà H, Y K1 vay mượn của bà Phạm Thị H1, và khoản tiền 340.000.000 đồng giữa ông Trần Đình B và ông Phùng Anh T4:

Xét thấy, giao dịch này cũng gắn liền với việc sử dụng xe ô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe giả . Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nhận thấy cần làm rõ để giải quyết triệt để vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Quảng Ngãi đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, yêu cầu làm rõ trách nhiệm hình sự của H, Y K1 đối với khoản tiền nêu trên. Tuy nhiên, tại Công văn số 421/VKS-KV7 ngày 30/7/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Quảng Ngãi xác định không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với hành vi này và giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đã nêu, không truy tố bổ sung. Căn cứ khoản 1 Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định giới hạn việc xét xử nên Tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[10] Về án phí: Các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Quốc T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Quốc T1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H ***07 (B1)*** **năm tù** về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H **03** *(Ba)* **năm tù** về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Văn H phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là **10** (*M*) **năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 03/10/2025).

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T1 **03** *(Ba)* **năm tù** về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T1 **02** *(H3)* **năm tù** về tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".*

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Quốc T1 phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là **05** (*Năm*) **năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (30/9/2025).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*

(Đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 25/11/2025 của Phòng G Kho bạc Nhà nước khu vực XV);

+01 (một) điện thoại di động dạng cảm ứng, nhãn hiệu OPPO màu đen, đã qua sử dụng được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS3 24011781 dán kín, trên mặt túi có ghi chữ "973/KL-KTHS, 10/9/2025" và "GĐ bổ sung, 1745/KL-KLTHS, 25/12/2025" và chữ ký ghi họ tên của giám định viên, điều tra viên;

+01 (một) điện thoại di động, dạng cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đen, đã qua sử dụng. Được niêm phong trong một phong bì dán kín, mặt trước phong bì có chữ "CÔNG AN TỈNH KON TUM, PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ" và chữ "OPPO", mặt sau phong bì tại các mép được dán kín, có chữ ký ghi họ và tên của Đỗ Công H4, Lê Đức N1 và các hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K5, Công an tỉnh K.

-Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quốc T1: 01 (một) điện thoại di động dạng cảm ứng nhãn hiệu VIVO, màu đen, đã qua sử dụng. Được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS3 24011780 dán kín, trên mặt túi có ghi chữ "718/KL-KTHS, 15/8/2025" và chữ ký ghi họ và tên của Lê Đức N1, Đỗ Công H4.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Quốc T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/8/2026), các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND khu vực 7 - Quảng Ngãi;*
- *Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi;*
- *Phòng THAHS Công an tỉnh Quảng Ngãi;*
- *Phòng THADS khu vực 7 - Quảng Ngãi;*
- *UBND phường ĐăkCấm;*
- *Bị cáo;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đồng Thị Bình

-Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.